

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

29/1

DT 1.110

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22YKC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29/01/2024

Phòng thi: 1571.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022064	Trần Chí	Hiếu	16/04/2004	Nam	10.0	6.8	8.4	001	<u>Trần Chí</u>	
2	116022096	Phạm Hiếu	Lam	26/12/2003	Nữ	9.8	7.3	8.6	002	<u>Phạm Hiếu</u>	
3	116022101	Nguyễn Hữu	Lộc	28/04/2003	Nam	10.0	6.0	8.0	003	<u>Nguyễn Hữu</u>	
4	116022102	Nguyễn Phúc	Lộc	12/05/2004	Nam	10.0	6.5	8.3	004	<u>Nguyễn Phúc</u>	
5	116022103	Trần Đức	Lộc	23/07/2004	Nam	10.0	6.8	8.4	005	<u>Trần Đức</u>	
6	116022104	Võ Tấn	Lộc	23/05/2004	Nam	9.5	5.5	7.5	006	<u>Võ Tấn</u>	
7	116022105	Nguyễn Phan Thị Mỹ	Lợi	04/07/2004	Nữ	9.8	5.8	7.8	007	<u>Nguyễn Phan Thị Mỹ</u>	
8	116022106	Trình Thị Cẩm	Ly	28/12/2004	Nữ	9.0	6.3	7.7	008	<u>Trình Thị Cẩm</u>	
9	116022107	Bùi Thị Quỳnh	Mai	31/05/2003	Nữ	10.0	7.8	8.9	009	<u>Bùi Thị Quỳnh</u>	
10	116022108	Cao Ngọc	Mịn	29/09/2004	Nữ	10.0	6.3	8.2	010	<u>Cao Ngọc</u>	
11	116022109	Trần Đức	Minh	19/06/2004	Nam	10.0	6.8	8.4	011	<u>Trần Đức</u>	
12	116022110	Đặng Tiểu	My	20/09/2002	Nữ	9.5	5.0	7.3	012	<u>Đặng Tiểu</u>	
13	116022111	Lương Ngọc Uyên	My	06/09/2004	Nữ	9.5	5.8	7.7	013	<u>Lương Ngọc Uyên</u>	
14	116022112	Đặng Nguyễn Ngọc	Ngân	27/10/2003	Nữ	9.5	6.8	8.2	014	<u>Đặng Nguyễn Ngọc</u>	
15	116022115	Lê Hoàng Kim	Ngân	01/06/2003	Nữ	8.8	6.5	7.7	015	<u>Lê Hoàng Kim</u>	
16	116022116	Nguyễn Trung	Nghĩa	08/11/2003	Nam	9.5	5.5	7.5	016	<u>Nguyễn Trung</u>	
17	116022118	Nguyễn Nhật	Nghiêm	29/04/2004	Nam	9.0	7.3	8.2	017	<u>Nguyễn Nhật</u>	
18	116022121	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	25/07/2003	Nữ	10.0	6.0	8.0	018	<u>Nguyễn Thị Hồng</u>	
19	116022122	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	05/05/2004	Nữ	9.5	6.8	8.2	019	<u>Nguyễn Thị Kim</u>	
20	116022123	Đào Trọng	Nguyễn	17/01/2004	Nam	9.8	6.3	8.1	020	<u>Đào Trọng</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Phạm Thị Bích Ngọc

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Uyển Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Uyển Cao Dương Phương Lan

Nguyễn Thị Lãnh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22YKC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 01 / 2024Phòng thi: ĐT1.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022124	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	26/02/2004	Nữ	8.5	6.8	7.7	001		
2	116022126	Trần Việt	Nguyên	08/04/2004	Nam	10.0	7.8	8.9	002		
3	116022127	Trịnh Phúc	Nguyên	10/02/2004	Nam	10.0	8.5	9.3	003		
4	116022128	Hồ Trọng	Nguyễn	13/09/2004	Nam	9.5	5.8	7.7	004		
5	116022129	Lê Minh	Nguyễn	19/01/2004	Nữ	10.0	5.3	7.7	005		
6	116022131	Nguyễn Minh	Nhân	24/10/2004	Nam	10.0	6.8	8.4	006		
7	116022133	Lê Lâm Vũ	Nhi	12/07/2003	Nữ	10.0	6.8	8.4	007		
8	116022134	Lê Yến	Nhi	18/06/2003	Nữ	9.0	6.5	7.8	008		
9	116022135	Nguyễn Thị Mai	Nhi	16/09/2004	Nữ	9.8	6.0	7.7	009		
10	116022136	Trần Lê Yến	Nhi	09/12/2003	Nữ	10.0	6.8	8.4	010		
11	116022137	Trần Phương Thảo	Nhi	27/06/2004	Nữ	10.0	6.3	8.2	011		
12	116022138	Trần Thị Ngọc	Nhi	18/08/2004	Nữ	10.0	6.0	8.0	012		
13	116022139	Võ Thị Yến	Nhi	13/10/2004	Nữ	10.0	7.3	8.7	013		
14	116022140	Danh Thị Huỳnh	Như	22/11/2004	Nữ	10.0	6.5	8.3	014		
15	116022142	Lâm Thị Huỳnh	Như	31/07/2004	Nữ	10.0	8.0	9.0	015		
16	116022143	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	01/01/2002	Nữ	9.8	7.5	8.7	016		
17	116022144	Nguyễn Cao	Nhứt	01/01/2004	Nam	10.0	7.5	8.8	017		
18	116022145	Huỳnh Bá	Phát	17/10/2003	Nam	10.0	7.0	8.5	018		
19	116022146	Huỳnh Tấn	Phát	23/01/2004	Nam	9.8	6.5	8.2	019		
20	116022253	Dương Tâm	Như	10/04/2003	Nữ	8.5	7.8	8.2	020		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20Tổng số tờ: trên máyCán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ái Mỹ

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22YKC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 01 / 2024

Phòng thi: D3.1.10.4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022254	Phan Trương Khiết	Oanh	11/02/2003	Nữ	9.8	7.3	8.6	003	<u>Đức</u>	
2	116022255	Trần	Phi	25/05/2000	Nam	9.3	6.5	7.9	004	<u>Ph</u>	6,5
3	116022256	Phạm Lâm Bảo	Phúc	18/04/2003	Nam	9.9	5.0	7.2	005	<u>phuc</u>	
4	116022257	Lữ Thị Thùy	Phương	26/06/2003	Nữ	9.3	5.8	7.6	006	<u>thuy</u>	
5	116022258	Lê Thị Trúc	Phương	09/02/2003	Nữ	9.5	6.5	8.0	007	<u>truc</u>	
6	116022261	Trương Thị Hồng	Tuyền	07/06/2003	Nữ	9.8	5.0	7.4	008	<u>huy</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06...

Tổng số tờ:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Cao Văn Cao Đường Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Đức Cao Đường Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

29/11

ĐT1.112

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22YKD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29/11/2024

Phòng thi: ĐT1.112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022149	Lương Nguyên Phong	01/07/2004	Nam	8.3	3.3	5.8	001	8		
2	116022150	Bùi Phan Thy Phúc	11/11/2004	Nữ	9.5	6.0	7.8	002	8		
3	116022151	Quan Kim Phụng	13/05/2004	Nữ	9.5	4.3	6.9	003	8		
4	116022152	Lâm Phú Phương	08/02/2003	Nam	9.8	4.3	7.1	004	8		
5	116022153	Ngô Nguyễn Thanh	11/07/2002	Nữ	9.0	5.3	7.2	005	8		
6	116022154	Phạm Cẩm	17/11/2003	Nữ	9.3	7.3	8.3	006	8		
7	116022155	Thiều Mai	28/07/2004	Nữ	9.3	6.5	7.9	007	8		
8	116022157	Cao Bình	11/02/2004	Nam	8.0	5.0	6.5	008	8		
9	116022158	Phan Tiến	18/02/2004	Nam	10.0	6.0	8.0	009	8		
10	116022159	Phạm Dương	09/10/2003	Nam	8.5	5.3	6.9	010	8		
11	116022160	Nguyễn Hữu	26/11/2000	Nam	8.8	6.0	7.4	011	8		
12	116022161	Nguyễn Phúc Thư	16/09/2004	Nữ	10.0	8.3	9.2	012	8		
13	116022163	Nguyễn Văn	25/10/2004	Nam	10.0	6.5	8.3	013	8		
14	116022164	Lê Hoàng	08/05/2004	Nam	9.5	6.0	7.8	014	8		
15	116022166	Trịnh Nguyễn Anh	07/03/2004	Nam	9.5	5.0	7.3	015	8		
16	116022167	Hoàng Khắc	07/09/2004	Nam	8.5	5.0	6.8	016	8		
17	116022168	Lê Đào Phát	01/03/2004	Nam	9.5	6.3	7.9	017	8		
18	116022169	Lê Nhật	20/06/2003	Nam	8.8	6.0	7.4	018	8		
19	116022170	Lê Hữu	04/05/2004	Nam	8.3	5.8	7.1	019	8		
20	116022171	Nguyễn Chiến	24/11/2002	Nam	8.8	4.8	5.8	020	8		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra:

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

29/1

D71.113

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22YKD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022173	Đào Thị Mỹ Thanh	30/11/2004	Nữ	9.8	5.3	7.6	001	Đào Thị Mỹ Thanh		
2	116022174	Lâm Chí Thanh	09/02/2004	Nam	9.5	5.0	7.3	002	Lâm Chí Thanh		
3	116022176	Nguyễn Nhật Thanh	19/08/2001	Nam	8.5	5.5	7.0	003	Nguyễn Nhật Thanh		
4	116022177	Lưu Ngọc Phương Thảo	22/04/2004	Nữ	9.5	5.5	7.5	004	Lưu Ngọc Phương Thảo		
5	116022178	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	29/11/2004	Nữ	8.5	5.3	6.9	005	Nguyễn Thị Hiếu Thảo		
6	116022179	Biện Thị Minh Thi	31/10/2003	Nữ	9.8	5.5	7.7	006	Biện Thị Minh Thi		
7	116022180	Nguyễn Anh Thi	20/01/2004	Nữ	9.8	7.5	8.7	007	Nguyễn Anh Thi		
8	116022181	Kim Đô Thía	11/02/2004	Nam	9.3	7.0	8.2	008	Kim Đô Thía		
9	116022182	Đặng Minh Thiện	11/02/2004	Nam	9.0	6.8	7.9	009	Đặng Minh Thiện		
10	116022183	Hà Ngọc Thiện	26/04/2004	Nam	9.5	6.3	7.9	010	Hà Ngọc Thiện		
11	116022184	Lê Minh Thiện	12/10/2004	Nam	9.5	6.5	8.0	011	Lê Minh Thiện		
12	116022185	Nguyễn Trường Thọ	17/10/2004	Nam	9.8	5.5	7.7	012	Nguyễn Trường Thọ		
13	116022186	Đỗ Huỳnh Minh Thông	19/09/2004	Nam	10.0	6.3	8.2	013	Đỗ Huỳnh Minh Thông		
14	116022187	Ngô Nguyễn Thu	24/07/2004	Nữ	9.5	7.0	8.3	014	Ngô Nguyễn Thu		
15	116022188	Trương Ngọc Anh Thư	14/02/2004	Nữ	9.5	7.0	8.3	015	Trương Ngọc Anh Thư		
16	116022189	Nguyễn Anh Thư	18/09/2004	Nữ	9.5	7.0	8.3	016	Nguyễn Anh Thư		
17	116022191	Phan Thị Anh Thư	15/10/2004	Nữ	10.0	8.0	9.0	017	Phan Thị Anh Thư		
18	116022192	Sơn Thị Anh Thư	31/03/2002	Nữ	9.3	7.0	8.2	018	Sơn Thị Anh Thư		
19	116022193	Trần Gia Thuận	11/11/2004	Nam	9.0	6.3	7.7	019	Trần Gia Thuận		
20	116022194	Phan Trọng Thùy	06/02/2004	Nam	8.5	4.8	6.7	020	Phan Trọng Thùy		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Tuấn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Diễm Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22YKD

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Bắc nghiên

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 01 / 2024

Phòng thi: Đ31.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022259	Thạch Lý Thủy	Tiên	Nữ	8,0	5,0	6,5	009	<u>Thủy</u>		
2	116022260	Hán Nữ Kiều	Tuyền	Nữ	9,3	3,0	6,2	010	<u>Tuyền</u>		
3	116022262	Trần Quốc	Thắng	Nam	9,0	6,0	7,5	011	<u>Thắng</u>		
4	116022264	Thạch Sơn	Thiện	Nam	9,3	4,0	6,7	012	<u>Sơn</u>		
5	116022308LT	Phan Thị Thùy	Dương	Nữ	10,0	6,0	8,0	013	<u>Dương</u>		8.0

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05...

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05...

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05...

Tổng số tờ: ✓

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lãnh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA23YKC

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29...../01...../2024

Phòng thi: D21.114.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116022120	Lê Thủy Ngọc	27/12/2004	Nữ	<u>100</u>	<u>7,5</u>	<u>8,8</u>	<u>002</u>	<u>Ngọc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01....

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50....%

Trà Vinh, Ngày 16 tháng 02 năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phụng Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành

29/1

D71.114

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học (180052)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (14 -)/DA22CK

CBGD: Nguyễn Thị Ái Mỹ (00338)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

29 / 01 / 2024

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111822027	Quách Hữu Tài	03/06/2004	Nam	8,5	3,3	5,8	001	<u>hulan</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:01....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01....

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 16... tháng 02... năm 2024

Cán bộ coi thi 1: Thầy Cao Đình ng phuong lan

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Đình ng phuong lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Nguyễn Thị Lành